VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 316/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2269/BC-HĐTĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và văn bản số 855/UBND-TH ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 1478/BKHĐT-QLQH ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc rà soát tổng thể hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chủ yếu như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Toàn bộ tỉnh Lào Cai với tổng diện tích tự nhiên 6.364,03 km^2, gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện: Thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và 07 huyện. Phía Đông giáp tỉnh Hà Giang, phía Nam giáp tỉnh Yên Bái, phía Tây giáp tỉnh Lai Châu và phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Tọa độ địa lý từ 21°40’56” đến 22°50’30” vĩ độ Bắc, từ 103°30’24” đến 104°38’21” kinh độ Đông.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch phát triển tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm hướng đến xây dựng, phát triển tỉnh Lào Cai trở thành một cực tăng trưởng và trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với

vùng Tây Nam của Trung Quốc, phù hợp với với quan điểm, chủ trương phát triển chung của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và cả nước, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng và cả nước.

b) Phát huy tối đa hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để tỉnh Lào Cai phát triển nhanh, bền vững, bao trùm và toàn diện. Bố trí không gian phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả, bền vững trên cơ sở tập trung phát triển: Một (1) trục động lực, hai (2) cực phát triển, ba (3) vùng kinh tế, bốn (4) trụ cột phát triển kinh tế và thực hiện năm (5) nhiệm vụ trọng tâm để khai thông, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế cho sự phát triển chung của tỉnh.

c) Chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, trong đó lấy con người là trung tâm và là nguồn lực phát triển quan trọng nhất, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực quan trọng; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và liên tục tạo ra các lợi thế so sánh mới để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh.

d) Phát triển kinh tế gắn với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo và nâng cao chất lượng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho Nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái; bảo tồn di sản văn hóa; khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các tài nguyên thiên nhiên; chủ động thích nghi, ứng phó với biến đổi khí hậu.

đ) Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác phát triển kinh tế - xã hội; chủ động tổng kết, đúc rút kinh nghiệm và đề xuất với Trung ương các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới theo hướng "Hòa bình, hợp tác, phát triển".

e) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố tiềm lực, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, trong đó nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng - an ninh là điều kiện kiên quyết, phát triển kinh tế là trọng tâm; là tỉnh hình mẫu trong xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

a) Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người để Lào Cai phát triển nhanh, bền vững và toàn diện trên các trụ cột về kinh tế, xã hội, môi

trường, đảm bảo quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nâng cao nhanh và bền vững năng lực cạnh tranh dựa trên thu hút đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển kinh tế cửa khẩu, công nghiệp chế biến chế tạo, du lịch, nông nghiệp hàng hóa là động lực; trở thành cực tăng trưởng và trung tâm kết nối giao thương giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc. Đến năm 2030, phấn đấu GRDP bình quân đầu người của tỉnh Lào Cai đứng trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có GRDP bình quân đầu người cao của cả nước; thu nhập bình quân đầu người đứng trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có thu nhập bình quân đầu người cao của cả nước; trở thành trung tâm của vùng và cả nước về du lịch, kinh tế cửa khẩu, dịch vụ và công nghiệp chế biến chế tạo.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân thời kỳ 2021 - 2030 phấn đấu đạt trên 10%/năm.

+ Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Nông, lâm thủy sản 7,7 %, công nghiệp - xây dựng 50,6%, dịch vụ - thương mại 36,0%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 5,6%.

+ GRDP bình quân đầu người đạt trên 260 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt trên 145 triệu đồng.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hàng năm thời kỳ 2021 - 2030 đạt trên 7,5%/năm.

+ Phấn đấu tự cân đối ngân sách vào năm 2030. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 754 ngàn tỷ đồng.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%.

+ Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới đạt trên 90% và trên 70% số huyện đạt huyện nông thôn mới.

+ Phấn đấu toàn tỉnh đến năm 2030 có trên 15.000 doanh nghiệp, đảm bảo tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả trên 70%.

+ Khách du lịch đến địa bàn đạt trên 13 triệu lượt người, đóng góp GRDP của ngành du lịch trong tổng GRDP của tỉnh đạt trên 20%.

+ Giá trị xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu đạt trên 15 tỷ USD.

- Về xã hội:

+ Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1 - 1,2%/năm.

+ Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 98%.

+ Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 80%; tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương đạt trên 90%.

+ Đạt 46 giường bệnh/1 vạn dân và 16,5 bác sỹ/1 vạn dân.

+ Tỷ lệ giảm hộ nghèo theo chuẩn quốc gia giảm bình quân 2 - 3%/năm.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 45%.

+ 80% các thiết chế văn hóa trên địa bàn được kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân.

- Về bảo vệ môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 60%.

+ Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 100%; 100% dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

+ Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2030 đạt 90%.

+ Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt 97% tại các đô thị; 95% tại khu dân cư nông thôn. Tỷ lệ số khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt tập trung hợp vệ sinh đạt 100%; 100% chất thải nguy hại được thu gom, tạm trữ và xử lý đạt tiêu chuẩn.

+ Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt trên 85%; 100% các khu, cụm công nghiệp mới hình thành được đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải.

- Về quốc phòng, an ninh: Phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn đạt cơ sở vững mạnh toàn diện; gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thế trận quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

c) Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, xây dựng Lào Cai trở thành tỉnh phát triển, là một trung tâm phát triển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và cả nước; là trung tâm kết nối quan trọng trên hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh giữa Trung Quốc, Việt Nam, ASEAN và Châu Âu với hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại và tích hợp. Kinh tế Lào Cai phát triển theo hướng chủ đạo là sáng tạo, xanh, sạch; một trong những trung tâm hoạt động văn hóa lớn ở vùng Tây Bắc với các thế mạnh về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa

của vùng đồng bào các dân tộc; bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

3. Các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm và ưu tiên phát triển trong thời kỳ quy hoạch

a) Các khâu đột phá trong thời kỳ quy hoạch

Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là các công trình giao thông trọng điểm, hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng cửa khẩu, hạ tầng số.

Phát triển, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và đẩy mạnh chuyển đổi số.

Phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao: Kinh tế cửa khẩu, du lịch, giáo dục - đào tạo, y tế.

b) Các nhiệm vụ trọng tâm trong thời kỳ quy hoạch

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm tạo nền tảng phát triển: (i) Hoàn thiện thể chế, chính sách, (ii) Phát triển nguồn nhân lực, nguồn lao động, (iii) Hoàn thiện kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông và hạ tầng số, (iv) Phát triển nông nghiệp, nông thôn và sắp xếp, ổn định dân cư, (v) Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa con người Lào Cai.

c) Các ưu tiên phát triển trong thời kỳ quy hoạch

Ưu tiên phát triển: Một trục động lực, hai cực phát triển, ba vùng kinh tế, bốn trụ cột phát triển kinh tế, cụ thể:

- Hình thành một trục kinh tế động lực dọc sông Hồng, trong đó phát triển trục đô thị: Thị trấn Bát Xát mở rộng, thành phố Lào Cai, thị trấn Tằng Loỏng, thị trấn Phố Lu mở rộng (bao gồm: Sơn Hà, Sơn Hải), các đô thị mới Bảo Hà - Tân An, Trịnh Tường, Võ Lao; phát triển công nghiệp gia công, chế biến chế tạo, công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến sâu nông sản; thu hút đầu tư xây dựng các khu logistics, cảng cạn, hạ tầng thương mại phục vụ kinh tế cửa khẩu, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; phát triển các khu dịch vụ du lịch, du lịch văn hóa - tâm linh và vui chơi giải trí. Trục kinh tế động lực dọc sông Hồng có vai trò liên kết không gian phát triển hai cực phát triển, ba vùng kinh tế của tỉnh, kết nối liên tỉnh và kết nối cả nước với vùng Tây Nam - Trung Quốc trên ba nền tảng kết nối là hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hóa lịch sử và doanh nghiệp.

- Hai cực phát triển: (i) Cực phía Bắc gồm thành phố Lào Cai, huyện Bát Xát, thị xã Sa Pa, huyện Bắc Hà và một phần huyện Bảo Thắng: Phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, đô thị, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp, là khu vực kết nối trực tiếp với vùng Tây Nam Trung Quốc; (ii) Cực phía Nam gồm huyện Bảo Yên, huyện Văn Bàn: Phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch, nông lâm nghiệp, là khu vực kết nối tỉnh với các tỉnh vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ với khu vực ASEAN.

- Ba vùng kinh tế, gồm: (i) Vùng thấp gồm các huyện Văn Bàn, Bảo Yên; (ii) Vùng cao gồm các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, thị xã Sa Pa, phần phía Tây huyện Bát Xát; (iii) Vùng trung tâm gồm thành phố Lào Cai, huyện Bảo Thắng, phần hạ huyện Bát Xát theo dọc sông Hồng.

- Bốn trụ cột phát triển kinh tế, bao gồm: (i) Phát triển kinh tế cửa khẩu, dịch vụ; (ii) Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo; (iii) Phát triển du lịch, (iv) Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh

a) Phát triển du lịch

Phát triển du lịch Lào Cai trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đột phá, từng bước trở thành ngành kinh tế chủ đạo, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, có hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch đồng bộ, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa, là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, cạnh tranh được với các trung tâm du lịch lớn trong nước và khu vực, đáp ứng các tiêu chuẩn du lịch quốc gia và quốc tế. Phát triển Khu du lịch quốc gia Sa Pa mang tầm quốc tế; xây dựng Y Tý (Bát Xát), Bắc Hà trở thành khu du lịch đặc sắc hướng tới trở thành khu du lịch quốc gia. Phát triển khu vực Bảo Hà (Bảo Yên) - Tân An (Văn Bàn) trở thành trung tâm du lịch văn hóa tín ngưỡng cấp vùng và quốc gia. Ưu tiên đầu tư, khai thác, phát triển tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa trên địa bàn tỉnh. Khai thác hiệu quả vai trò cầu nối, liên kết phát triển du lịch trong nước và quốc tế. Xây dựng tối thiểu 3 khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp casino. Xây dựng sản phẩm du lịch xanh, thông minh, hấp dẫn có tính cạnh tranh cao.

b) Phát triển kinh tế cửa khẩu

Xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai trở thành một trung tâm logistics lớn và quan trọng hàng đầu của cả nước, là trung tâm giao thương kết nối các nước

ASEAN với thị trường vùng Tây Nam - Trung Quốc, Châu Âu, trong đó hạt nhân là khu hợp tác kinh tế qua biên giới; là khu kinh tế phát triển đa ngành, lĩnh vực; có năng lực tập trung, điều phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ logistics chi phí thấp; xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại, khu logistics, cảng cạn, chợ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại tại khu vực các cửa khẩu; kết nối liên hoàn với cao tốc Hà Nội - Lào Cai là trục kết nối, tuyến đường sắt Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai là động lực tăng trưởng, tuyến đường thủy biên giới trên sông Hồng và Cảng hàng không Sa Pa là lực đẩy phát triển.

c) Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo

Phát triển công nghiệp theo hướng gia công, chế biến sâu, mở rộng vị thế, vai trò của tỉnh trong chuỗi sản xuất công nghiệp của cả nước. Mở rộng, phát triển nhóm ngành công nghiệp sau luyện kim, hóa chất, phân bón theo chiều sâu gắn với khai thác các loại khoáng sản có trữ lượng lớn như apatit, đồng, sắt, đất hiếm. Ưu tiên phát triển công nghiệp gia công, chế tạo sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản gắn với phát triển vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. Phát triển một số ngành công nghiệp hiện đại như dược sinh học, điện tử, công nghệ thông tin trên cơ sở tận dụng cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp có khả năng tạo việc làm cho nhiều lao động.

d) Phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Tập trung chuyển đổi nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Tổ chức phát triển nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị nông sản; nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp đi đôi với nâng cao giá trị và uy tín thương hiệu nông sản địa phương. Phát huy lợi thế so sánh của địa phương để phát triển sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực. Gắn kết sản xuất nông nghiệp hàng hóa với công nghiệp chế biến đáp ứng nhu cầu thị trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp tạo nền tảng cho ổn định xã hội, an sinh xã hội, nâng cao mức sống dân cư vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước phát triển nông nghiệp vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo hướng nông nghiệp hàng hóa.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ thân thiện với môi trường, gắn kết với chuỗi giá trị, đáp ứng nhu cầu thị trường; chú trọng phát triển sản phẩm OCOP mang thương hiệu và chỉ dẫn địa lý của tỉnh; phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch.

Khai thác, sử dụng bền vững diện tích rừng sản xuất; phát triển mạnh mẽ kinh tế lâm nghiệp, thâm canh rừng trồng để nâng cao giá trị kinh tế trên diện tích rừng sản xuất. Xây dựng, phát triển các vùng trồng rừng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lâm sản. Hỗ trợ phát triển thị trường tín chỉ các-bon, mở rộng chương trình chi trả dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện có hiệu quả chính sách thuê môi trường rừng để phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ.

Hình thành, tổ chức sản xuất có hiệu quả vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu vực nuôi trồng thủy sản; gắn các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, khu vực nuôi trồng thủy sản với chuỗi giá trị, công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Phát triển thương mại, dịch vụ

Phát triển đa dạng các loại hình, phương thức thương mại, dịch vụ hiện đại đi đôi với nâng cấp, cải tạo các loại hình thương mại, dịch vụ truyền thống. Xây dựng Lào Cai hướng tới trở thành trung tâm dịch vụ, tài chính của khu vực và quốc tế. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại biên giới, khu thương mại trong khu kinh tế cửa khẩu theo quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai. Thực hiện nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới hệ thống chợ truyền thống. Quy hoạch, thu hút đầu tư xây dựng mạng lưới trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích và các mô hình thương mại, dịch vụ hiện đại khác, ưu tiên tại các đô thị, khu du lịch. Tạo lập các điều kiện thuận lợi cho thương mại điện tử phát triển. Quy hoạch, tạo điều kiện hình thành hệ thống kho, khu logistics tại các khu vực đô thị, khu kinh tế, cửa khẩu biên giới, khu công nghiệp. Thu hút đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ hậu cần cho các ngành sản xuất.

b) Phát triển giáo dục và đào tạo

Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học, tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú; đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các cấp học, trình độ và các phương thức giáo dục phù hợp với thực tiễn của địa phương, đưa giáo dục vùng cao tỉnh Lào Cai nằm trong nhóm dẫn đầu của cả nước. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục đảm bảo phù hợp, chuẩn hóa và hiện đại hóa về cơ sở vật chất; xây dựng một số trường trọng điểm về chất lượng. Thu hút đầu

tư trường quốc tế ở các cấp học, trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục, trọng điểm tại thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, các huyện Bảo Thắng, Bắc Hà, Văn Bàn, Bảo Yên.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng đồng bộ, tập trung, tinh gọn, cơ cấu hợp lý cả về trình độ và ngành nghề đào tạo. Hình thành trung tâm đào tạo nghề trọng điểm quốc gia mang tầm quốc tế tại thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, các huyện Bảo Thắng, Bát Xát, Bắc Hà, Văn Bàn. Ưu tiên xây dựng, phát triển chương trình đào tạo nghề trọng điểm quốc gia, quốc tế, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế và khu vực. Đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu.

Đầu tư nâng cấp, mở rộng kết cấu hạ tầng; mở rộng, nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu của cơ sở đào tạo bậc đại học tại thành phố Lào Cai. Định hướng nâng cấp Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai thành Trường Đại học Lào Cai.

c) Phát triển hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Nâng cao sức khỏe nhân dân cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng sống. Đầu tư xây dựng mới, mở rộng cơ sở vật chất, hiện đại hóa trang thiết bị, nâng cao năng lực, chất lượng khám chữa bệnh của hệ thống cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh. Nghiên cứu, đầu tư phát triển thêm cơ sở, khoa, chức năng điều trị tuyến tỉnh. Xây dựng đồng bộ, nâng cao năng lực của mạng lưới y tế cơ sở đáp ứng yêu cầu về nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; thúc đẩy thực hiện có hiệu quả hoạt động y tế dự phòng theo quy định.

Khuyến khích phát triển mạng lưới y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân; kêu gọi đầu tư và xây dựng bệnh viện quốc tế. Tổ chức cơ chế liên thông, kết nối thông tin, chuyển đổi số hệ thống y tế công lập và ngoài công lập.

d) Phát triển văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, vui chơi giải trí

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lào Cai toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại. Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Phát triển các loại hình văn hóa, nghệ thuật, vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần, tạo cảm hứng, niềm tin để người dân chủ động tham gia vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung khai thác các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh theo hướng hình thành chuỗi liên kết dịch vụ, đủ năng lực tổ chức biểu diễn, đăng cai các sự kiện văn hóa, thể thao có quy

mô, mang tầm quốc gia và quốc tế, trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn của tỉnh. Trong đó, tập trung xây dựng Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Sa Pa; nâng cấp khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh trở thành Làng thể thao Olympic Tây Bắc; xây dựng nhà biểu diễn nghệ thuật truyền thống có quy mô cấp vùng.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa song song với duy trì các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng dân tộc thiểu số. Quan tâm phát triển văn hóa, văn nghệ quần chúng gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các tộc người.

Đầu tư xây dựng, bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống di tích, danh thắng. Tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, danh thắng tại các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch: Thị xã Sa Pa, thành phố Lào Cai, các huyện Bắc Hà, Bát Xát, Bảo Yên, Văn Bàn, Mường Khương; nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể thuộc danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh, và các di sản văn hóa, lịch sử khác. Tạo dựng các biểu tượng văn hóa mang tính biểu trưng, góp phần tạo dựng thương hiệu văn hóa, du lịch của Lào Cai. Lập hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền công nhận, xếp hạng di tích cấp Quốc gia đặc biệt, di tích, danh thắng, di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia và cấp tỉnh cho các di tích, danh thắng. Quy hoạch, xây dựng các không gian văn hóa nổi bật tại một số địa phương gắn với đặc trưng văn hóa các dân tộc của tỉnh Lào Cai. Thực hiện bảo tồn đi đôi với phát huy giá trị di sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là du lịch.

đ) Phát triển khoa học và công nghệ

Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế, trong đó ưu tiên nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm, đột phá, quá trình chuyển đổi số. Thúc đẩy tiếp thu và chuyển giao khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

e) Phát triển thông tin và truyền thông

Phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông, chuyển đổi số đồng bộ trên 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; phát triển đô thị thông minh, an toàn thông tin mạng, nhân lực số, nhân lực có kỹ năng số; nâng cao năng lực hoạt động, chất lượng dịch vụ các đơn vị, cơ sở hoạt động lĩnh vực thông tin và truyền thông; phát triển các cơ quan báo chí, truyền thông chủ lực của tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở; chuyển đổi số, quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động báo chí, xuất bản, phát

thanh, truyền hình, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại đáp ứng nhu cầu tiếp cận, sử dụng thông tin của người dân, tạo đồng thuận xã hội, quảng bá hình ảnh Lào Cai đến với cả nước và thế giới, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội.

g) Phát triển an sinh xã hội, trợ giúp xã hội

Phát triển hệ thống an sinh xã hội, trợ giúp xã hội theo hướng đảm bảo diện bao phủ, nâng cao phúc lợi cho đối tượng được hưởng chính sách xã hội. Phát triển và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, trợ giúp xã hội đa tầng, linh hoạt, gắn kết chặt chẽ, có khả năng hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau. Mở rộng, nâng cao chất lượng hệ thống chăm sóc xã hội.

Đầu tư xây dựng, mở rộng hạ tầng các cơ sở bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội công lập, nâng cao điều kiện sinh hoạt cho đối tượng được bảo trợ, trợ giúp. Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ bảo hiểm, trợ giúp xã hội ngoài công lập, cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ ngày càng tăng của người dân.

Thúc đẩy thị trường lao động trên địa bàn tỉnh phát triển lành mạnh. Tổ chức quản lý tốt hoạt động tuyển dụng, sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tổng thể các giải pháp để tạo việc làm, nâng cao thu nhập và phúc lợi cho người lao động. Thực hiện tốt hệ thống chính sách hỗ trợ bên sử dụng lao động và người lao động.

h) Quốc phòng và an ninh

Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh, có khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống; xây dựng vùng phòng thủ tỉnh vững chắc, giữ vững là nòng cốt của nền quốc phòng toàn dân. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thế trận quốc phòng toàn dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Ưu tiên xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường tuần tra biên giới và kè sông suối, kè mốc khu vực biên giới.

3. Phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Phương hướng phát triển trục kinh tế và các vùng động lực

Phát triển Trục kinh tế động lực dọc sông Hồng có vai trò là trục kinh tế chính của tỉnh trên cơ sở liên kết chuỗi đô thị: Đô thị Bát Xát mở rộng, thành phố Lào Cai, đô thị Tằng Loỏng, đô thị Bảo Thắng, các đô thị hình thành mới: Trịnh Tường, Võ Lao, Bảo Hà - Tân An và khu vực Gia Phú, Thái Niên, Cam Cọn; phát triển công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ,

công nghiệp chế biến sâu nông sản; thu hút đầu tư xây dựng các khu logistics, hạ tầng thương mại phục vụ kinh tế cửa khẩu, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu dịch vụ du lịch, du lịch văn hóa - tâm linh và vui chơi giải trí; liên kết không gian hai cực phát triển, ba vùng kinh tế, kết nối vùng, liên vùng và cả nước với khu vực Tây Nam - Trung Quốc.

Phát triển các vùng động lực:

- Vùng trung tâm kinh tế động lực của tỉnh đồng thời là một phần của hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội, có vị trí dọc sông Hồng, tập trung các đô thị: Thành phố Lào Cai, Trịnh Tường, Bát Xát, Tằng Loỏng, Phố Lu, Võ Lao, Bảo Hà - Tân An và các khu vực Gia Phú, Thái Niên, Sơn Hà, Sơn Hải, Cam Cọn; trọng tâm là phát triển kinh tế đô thị, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, cơ sở hạ tầng, logistics và cảng cạn.

- Khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai là khu vực động lực của hành lang biên giới của tỉnh, trong đó hạt nhân là khu hợp tác kinh tế qua biên giới; trọng tâm là phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, logistics, cảng cạn.

- Thị xã Sa Pa là động lực phía Tây của tỉnh; trọng tâm là phát triển du lịch, dịch vụ, kinh tế đô thị, nông nghiệp có thế mạnh.

- Đô thị du lịch Y Tý là động lực phía Tây của huyện Bát Xát; trọng tâm là phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ.

- Thị trấn Bắc Hà mở rộng là động lực của vùng kinh tế núi cao Đông Bắc của tỉnh; trọng tâm phát triển là du lịch, trung tâm dịch vụ, thương mại.

- Các đô thị Mường Khương, Si Ma Cai, Phố Ràng, Khánh Yên là đô thị động lực của các vùng huyện.

b) Các cực phát triển

- Cực phát triển phía Bắc là toàn tuyến biên giới phía Bắc, gồm các huyện Si Ma Cai, Mường Khương, thành phố Lào Cai, huyện Bát Xát, một số khu vực thuộc các huyện vùng cao Bắc Hà, thị xã Sa Pa, một phần địa giới hành chính của huyện Bảo Thắng: Có vai trò là cầu nối khu vực ASEAN và cả nước với khu vực Tây Nam - Trung Quốc và Châu Âu, trong đó hạt nhân là khu hợp tác kinh tế qua biên giới; trọng tâm là phát triển kinh tế cửa khẩu, kinh tế đô thị, công nghiệp, logistics.

- Cực phát triển phía Nam, gồm các huyện Bảo Yên, Văn Bàn, Bảo Thắng và khu vực phía Nam của thành phố Lào Cai: Có vai trò liên kết, kết nối với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, đường sắt liên vận quốc tế Việt Nam - Trung Quốc,

đường giao thông kết nối ngang sang các tỉnh phía Đông (Hà Giang, Tuyên Quang), phía Tây (Lai Châu, Điện Biên Sơn La), phía Nam (Yên Bái, Phú Thọ, các tỉnh phía Bắc, Thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng, tỉnh Quảng Ninh).

c) Phát triển ba (3) vùng kinh tế, gồm:

- Vùng thấp, gồm các huyện Văn Bàn, Bảo Yên: Tập trung phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, phát triển kinh tế rừng, xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp; phát triển các sản phẩm du lịch dựa trên ưu thế của địa phương: Du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, du lịch thể thao, du lịch nông nghiệp và các sản phẩm du lịch khác; thu hút đầu tư xây dựng khu logistics, hạ tầng thương mại gắn với trục kinh tế động lực dọc sông Hồng và Cảng hàng không Sa Pa, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn vùng.

- Vùng cao, gồm các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, thị xã Sa Pa, phần phía Tây huyện Bát Xát: Phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc hữu ôn đới và dược liệu; phát triển các loại hình du lịch với tâm điểm là khu du lịch quốc gia Sa Pa, vùng cao của các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Bát Xát; thực hiện chính sách an sinh, xã hội, giảm nghèo bền vững, ổn định đời sống nhân dân các dân tộc, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.

- Vùng trung tâm, gồm thành phố Lào Cai, huyện Bảo Thắng, phần hạ huyện Bát Xát theo dọc sông Hồng: Phát triển kinh tế cửa khẩu, biên mậu, dịch vụ, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị thị trường sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp; thu hút và phát huy giá trị nguồn lực đầu tư tài chính, nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, thực hiện chuyển đổi phát triển kinh tế "xanh" của tỉnh Lào Cai.

d) Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Đối với khu vực khó khăn: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, xăng dầu, hạ tầng thương mại dịch vụ, cơ sở hạ tầng giáo dục - đào tạo, y tế theo lộ trình hợp lý; thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách, chế độ đối với các đối tượng thuộc khu vực khó khăn; cung cấp tín dụng ưu đãi.

Đối với khu vực đặc biệt khó khăn: Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia; thu hút vốn viện trợ, vốn hỗ trợ phát triển quốc tế đầu tư vào giảm nghèo, tạo sinh kế, xây dựng cơ sở hạ tầng; lựa chọn, bố trí cán bộ có năng lực về lãnh

đạo các xã thuộc khu vực đặc biệt khó khăn; tổ chức thực hiện tốt các chính sách khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; hỗ trợ hộ kinh doanh hình thành các chuỗi liên kết phát triển kinh tế bền vững; phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng cung cấp tín dụng ưu đãi; vận động đồng bào các dân tộc thiểu số từ bỏ phong tục, tập quán lạc hậu, chuyển hướng hoạt động sang tập trung phát triển kinh tế; hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới, giải phóng phụ nữ các dân tộc khỏi các tập tục lạc hậu; tạo cơ hội phát triển cho phụ nữ các dân tộc.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, phát triển hệ thống đô thị để đến năm 2030, tỉnh Lào Cai có 16 đô thị gồm: 01 đô thị loại I; 01 đô thị loại III; 06 đô thị loại IV; 08 đô thị loại V. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh và bền vững. Nghiên cứu quy hoạch xây dựng các đô thị theo trục kinh tế động lực dọc sông Hồng tạo chuỗi đô thị kết nối, phụ trợ, hậu cần hướng tới phát triển đô thị sân bay.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Phương án quy hoạch khu vực nông thôn

Tổ chức quy hoạch, xây dựng hệ thống các điểm dân cư nông thôn có quy mô phù hợp với điều kiện của từng địa bàn. Hệ thống điểm dân cư nông thôn được quy hoạch, các công trình chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, kết cấu hạ tầng xã hội đồng bộ. Xây dựng khu dân cư nông thôn mới theo đúng quy hoạch/kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hệ số sử dụng đất, chiều cao, kiến trúc công trình xây dựng tuân thủ quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tôn trọng và khuyến khích kiến trúc công trình phù hợp với văn hóa của các dân tộc tại mỗi khu vực; kiến trúc tổ hợp công trình phù hợp với cảnh quan không gian chung toàn khu vực.

3. Phương án quy hoạch các khu chức năng

a) Phát triển khu kinh tế cửa khẩu

Xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai trở thành trung tâm giao thương của Việt Nam và khu vực ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc và Châu Âu; là khu kinh tế cửa khẩu đa ngành, đa lĩnh vực, điểm đột phá về kinh tế của tỉnh Lào Cai và các tỉnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; là một trong những trung tâm kinh tế về thương mại, dịch vụ, du lịch, logistics, đô thị và công nghiệp của vùng

Trung du và miền núi Bắc Bộ, có khả năng gắn kết với các địa phương trên hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh tạo thành tuyến dịch vụ thương mại - du lịch động lực của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng. Xây dựng Khu hợp tác kinh tế qua biên giới gồm các khu chức năng: Khu phi thuế quan; khu cửa khẩu; khu, cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; khu giải trí, khu du lịch, khu đô thị, dân cư và các khu chức năng khác có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kinh tế - xã hội đồng bộ. Tổ chức liên kết phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai với các khu công nghiệp, đô thị, các khu vực kinh tế động lực của tỉnh.

b) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Ổn định diện tích, hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp đã thành lập: Tằng Loỏng và Đông Phố Mới; riêng đối với khu công nghiệp Bắc Duyên Hải duy trì hoạt động đến khi thực hiện di chuyển đến vị trí mới (theo Quyết định số 1627/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050). Thành lập mới các khu công nghiệp: Võ Lao, Cốc Mỳ - Trịnh Tường, Bản Qua, Cam Cọn giai đoạn I. Đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có 07 khu công nghiệp.

Thu hút đầu tư, lấp đầy các cụm công nghiệp hiện có. Thành lập mới 15 cụm công nghiệp. Đến năm 2030, toàn tỉnh có 20 cụm công nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục II, III)

c) Phát triển không gian theo 03 vùng du lịch trọng điểm: Vùng I - Tây Bắc gồm thị xã Sa Pa, huyện Bát Xát, thành phố Lào Cai; Vùng II - Đông Bắc, gồm các huyện Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai; Vùng III - Phía Nam gồm các huyện Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn. Định hướng mở rộng không gian du lịch của Sa Pa kết nối với Y Tý, trung tâm kinh tế cửa khẩu thành phố Lào Cai; đồng thời phát triển không gian du lịch mới tại Bảo Hà, Nghĩa Đô (Bảo Yên), Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Bảo Thắng, Văn Bàn,...; tạo ra hệ thống các sản phẩm du lịch đa dạng phục vụ các thị trường nội địa, quốc tế, hình thành hệ thống các sản phẩm du lịch đặc trưng tại 3 vùng du lịch trọng điểm.

d) Phân bố không gian phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản

Vùng trồng trọt tập trung:

- Tập trung xây dựng vùng trồng lúa tập trung theo hướng thâm canh trên các địa bàn có khả năng chủ động tưới tiêu tại các huyện Văn Bàn, Bảo Thắng, Bảo Yên, Bát Xát, Mường Khương.

- Vùng rau an toàn tại: Thị xã Sa Pa, các huyện Bát Xát, Bắc Hà, Bảo Thắng, Bảo Yên, Si Ma Cai, Mường Khương, Văn Bàn, thành phố Lào Cai; vùng thâm canh ngô chính tại các huyện, thị xã: Bảo Thắng, Mường Khương, Văn Bàn, Si Ma Cai, Sa Pa và một số khu vực tại huyện Bảo Yên.

- Vùng chè tập trung tại các huyện trọng điểm là Mường Khương, Bảo Thắng, Bảo Yên, Bắc Hà, Bát Xát; vùng sản xuất chè hữu cơ tại các huyện Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát; vùng sản xuất cây dược liệu tập trung tại các huyện, thị xã trọng điểm là Bắc Hà, thị xã Sa Pa, Bát Xát, Si Ma Cai, Văn Bàn.

- Vùng sản xuất chuối tập trung tại các huyện Mường Khương, Bát Xát, Bảo Thắng, Bảo Yên; vùng sản xuất dứa tập trung tại các huyện Mường Khương, Bảo Thắng, Bát Xát; vùng trọng điểm phát triển cây quế tại các huyện: Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn và các xã vùng thấp của huyện Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát.

Vùng chăn nuôi tập trung:

- Vùng chăn nuôi lợn tập trung phân bố tại vùng thấp gồm các huyện: Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn và các xã vùng thấp của các huyện: Bát Xát, Bắc Hà, vùng ven thành phố Lào Cai; vùng cao gồm các huyện Bắc Hà, Mường Khương, Văn Bàn, Bát Xát, Si Ma Cai và các xã vùng cao của các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên.

- Vùng chăn nuôi đại gia súc tập trung phân bố tại các xã vùng thấp của các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn và các xã vùng cao của huyện Mường Khương, Si Ma Cai, Bắc Hà, Bát Xát và thị xã Sa Pa.

- Vùng chăn nuôi gia cầm tập trung phân bố tại các xã có điều kiện về nguồn thức ăn chăn nuôi, các xã vùng thấp của các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát.

- Vùng chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao: Vùng chăn nuôi lợn, gia cầm tập trung ứng dụng công nghệ cao tại các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát và một số xã của huyện Bắc Hà, thành phố Lào Cai; vùng nuôi gia súc công nghệ cao tập trung tại các huyện Bảo Yên, Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà và các xã có điều kiện sinh thái và quỹ đất phù hợp.

Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Phát triển vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn các huyện Bắc Hà, Bảo Yên, Bát Xát, Mường Khương, Bảo Thắng, Văn Bàn và thành phố Lào Cai, trên địa bàn thị xã Sa Pa hạn chế việc xây dựng các nhà lưới, nhà công nghệ tại các phường để đảm bảo không gian phát triển du lịch.

- Phát triển vùng sản xuất hoa ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thị xã Sa Pa, các huyện Bắc Hà, Bảo Yên, Mường Khương, Bảo Thắng, thành phố Lào Cai; phát triển vùng sản xuất chè ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn các huyện Mường Khương, Bảo Yên, Bắc Hà, Bát Xát, Bảo Thắng, thị xã Sa Pa.

- Phát triển vùng cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn các huyện Bắc Hà, Bát Xát, Mường Khương, Si Ma Cai, Bảo Thắng, Văn Bàn, thị xã Sa Pa và thành phố Lào Cai; phát triển vùng cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Bát Xát, thị xã Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai, Văn Bàn.

Vùng lâm nghiệp tập trung: Xây dựng, phát triển các vùng lâm nghiệp tập trung tại các huyện Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn, Bát Xát, Bắc Hà; đẩy mạnh quản lý và khai thác rừng theo các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững phù hợp với thị trường tiêu thụ. Thúc đẩy phát triển kinh tế dưới tán rừng, nuôi trồng lâm sản ngoài gỗ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế lâm nghiệp.

Khu vực nuôi trồng thủy sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản trên sông, suối, hồ tự nhiên và nhân tạo trên địa bàn tỉnh. Tập trung phát triển vùng nuôi cá nước lạnh tại các khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi: Sa Pa, Bát Xát, Bắc Hà, Văn Bàn, vùng nuôi thủy sản tập trung trên các hồ thủy điện lớn.

đ) Tổ chức không gian phát triển thương mại, dịch vụ

Quy hoạch, xây dựng các khu thương mại gắn với Khu kinh tế cửa khẩu, các khu vực cửa khẩu biên giới. Phát triển không gian thương mại, dịch vụ hiện đại tại thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, các thị trấn trung tâm huyện và các khu vực được quy hoạch xây dựng đô thị. Quy hoạch, xây dựng khu vực trung tâm các xã trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ của khu vực. Quy hoạch, bố trí xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển thương mại.

e) Bố trí không gian đảm bảo quốc phòng, an ninh

Đảm bảo quỹ đất đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn thành phố, thị xã và các huyện. Quản lý các khu vực ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng, đảm bảo điều kiện cho lực lượng quốc phòng hoạt động thuận lợi khi cần thiết.

Bảo đảm an ninh chính trị, an ninh biên giới, bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị. Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng các tuyến đường tuần tra bảo vệ biên giới, kè sông suối biên giới và các công trình đảm bảo an ninh quốc phòng dọc theo biên giới.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

a) Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia, kết nối quốc tế

- Đường bộ: Phát triển hạ tầng giao thông quốc gia theo quy hoạch; trước năm 2025, xây dựng hoàn chỉnh đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; hoàn thiện xây dựng, nâng cấp các tuyến QL.70, QL.4, QL.4D, QL.4E, QL.279 đạt tối thiểu quy mô cấp IV - III. Các đoạn đi qua khu đô thị xây dựng các tuyến đường tránh hoặc mở rộng phù hợp với quy hoạch đô thị, các vị trí tuyến đi qua núi nghiên cứu phương án xây dựng hầm, các vị trí giao cắt đường sắt nghiên cứu phương án xây dựng cầu vượt hoặc hầm chui để đảm bảo an toàn giao thông, xây dựng các trạm dừng nghỉ trên tuyến. Quy hoạch, xây dựng các cầu biên giới, cầu vượt sông Hồng và các sông, suối khác phục vụ giao thương qua biên giới, tạo thuận lợi cho giao thông vận tải và phát triển kinh tế.

- Đường sắt: Thống nhất phương án kết nối, triển khai xây dựng đoạn tuyến đường sắt giữa ga Lào Cai (tỉnh Lào Cai, Việt Nam) với ga Hà Khẩu Bắc (tỉnh Vân Nam, Trung Quốc). Đầu tư tuyến đường sắt khổ tiêu chuẩn 1.435 mm Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trước năm 2030. Cải tạo tuyến đường sắt Phố Lu - Cam Đường, chuyển tuyến đường sắt vận tải quặng Cam Đường - Đông Hồ ra ngoài khu trung tâm đô thị.

- Đường hàng không: Hoàn thành xây dựng Cảng hàng không Sa Pa đạt tiêu chuẩn cấp 4C, định hướng là cảng hàng không quốc tế. Nghiên cứu xây dựng các sân bay trực thăng tại các huyện Bắc Hà, Bát Xát, thị xã Sa Pa và thành phố Lào Cai phục vụ phát triển du lịch, cứu hộ cứu nạn.

- Đường thủy: Đầu tư, xây dựng các bến trên sông Chảy đoạn Bảo Nhai - Cốc Ly và vùng hồ Bắc Hà. Kêu gọi đầu tư và triển khai xây dựng tuyến đường thủy nội địa trên sông Hồng từ tỉnh Yên Bái đến ngã ba Nậm Thi (thành phố Lào Cai) đạt cấp III để phát triển du lịch và vận tải hàng hóa. Xây dựng 02 đập dâng nước kết hợp với thủy điện, có âu thông thuyền trên tuyến; xây dựng các cụm cảng hàng hóa Lục Cẩu (Kim Thành), Phố Mới, Phố Lu, Bảo Hà và cảng khác.

- Cảng cạn: Xây dựng hệ thống cảng cạn, cụm cảng cạn Lào Cai đến năm 2030 với tổng năng lực thông quan hàng hóa trên 1.500.000 TEU tại: Thành phố Lào Cai, khu vực Kim Thành - Bản Vược, khu vực Cảng hàng không Sa Pa và cảng khác khi có nhu cầu.

b) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông cấp tỉnh

Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn, kết nối thuận tiện, nhanh chóng với các tỉnh trong vùng, giữa vùng với cả nước và quốc tế. Cơ bản nâng cấp các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn đường cấp IV - III miền núi, một số đoạn khó khăn đạt tối thiểu cấp V miền núi. Xây dựng các tuyến đường tránh đô thị, các tuyến đường kết nối đô thị, khu du lịch với các trục giao thông, đầu mối giao thông lớn; nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường kết nối tỉnh Lào Cai với các tỉnh lân cận, quy mô đường cơ bản đạt cấp IV - III miền núi; hoàn thiện, cải tạo các tuyến đường đô thị, ưu tiên đầu tư các trục đường chính tại các đô thị; xây dựng mới các cầu đường bộ qua sông Hồng và sông Chảy theo quy hoạch; cải tạo, nâng cấp và xây mới 26 bến xe tại các huyện, thành phố, thị xã theo quy hoạch.

Các tuyến đường đô thị, đường giao thông nông thôn thực hiện theo quy hoạch của địa phương. Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các tuyến đường tuần tra biên giới đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp V miền núi.

(Chi tiết tại Phụ lục IV, V, VI)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Đến năm 2030, tổng công suất các nhà máy phát điện trên địa bàn tỉnh khoảng 1.800MW. Nghiên cứu, thu hút đầu tư phát triển điện tái tạo công nghệ cao và các loại hình phát điện khác.

Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp và đường dây cao áp 500kV, 220kV, 110kV; xây dựng công trình điện lực đấu nối các nhà máy điện vào hệ thống điện; tăng công suất cấp điện và đầu tư nâng cao độ ổn định, độ tin cậy của hệ thống truyền tải điện. Thu hút đầu tư, xây dựng công trình năng lượng tái tạo tại các khu vực có tiềm năng.

Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, nâng cao độ tin cậy mạng lưới điện trung và hạ áp đảm bảo đến năm 2030 công suất cấp điện trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 1.150 MW, giảm tỷ lệ tổn thất điện năng xuống 2,7%.

(Chi tiết tại Phụ lục VII, VIII)

3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông

Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số, đô thị thông minh, chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Phát triển hạ tầng, dịch vụ bưu chính, chuyển phát. Từng bước chuyển dịch từ bưu chính truyền thống sang bưu chính số; phát triển hạ tầng, dịch vụ liên quan đến chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; các dịch vụ mang tính hỗ trợ, logistics cho thương mại điện tử. Thúc đẩy hoạt động của điểm bưu cục ngoại dịch, điểm thông quan hàng bưu chính tại cửa khẩu; phát triển bưu cục thông minh, triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số quốc gia.

Phát triển, nâng cao chất lượng hạ tầng, dịch vụ mạng viễn thông, mạng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng truyền dẫn, hạ tầng thông tin di động, mạng cáp quang nội tỉnh, liên tỉnh, cáp quang đến hộ gia đình, mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước; hạ tầng Internet vạn vật (IoT), điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông.

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu, trung tâm điều hành thông minh, hệ thống mạng nội bộ, mạng diện rộng, hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành, dữ liệu mở; an toàn, an ninh mạng, nhân lực số; thu hút đầu tư khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung; thực hiện lộ trình số hóa hạ tầng thiết yếu khác phục vụ chính quyền số, đô thị thông minh, kinh tế số và xã hội số.

Phát triển mạng truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình; hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình số có khả năng cung cấp chương trình và các dịch vụ giá trị gia tăng có chất lượng cao. Phát triển các cơ quan báo chí, truyền thông chủ lực theo hướng hội tụ, đa phương tiện, đa nền tảng phù hợp với sự phát triển; hiện đại hóa cơ sở hoạt động, hạ tầng báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản, in, phát hành, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở. Chuyển đổi số các hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại. Triển khai các phương thức phát thanh, truyền hình trên mạng Internet, các ứng dụng trên các thiết bị di động thông minh,...

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, hoàn thiện các công trình thủy lợi cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt nông thôn, chú trọng đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng điều kiện kinh tế khó khăn. Phát triển công trình

thủy lợi ứng dụng công nghệ cao tưới cho cây trồng cạn, cây nông nghiệp có giá trị kinh tế cao. Đầu tư các công trình tích, trữ nước mặt vào mùa mưa điều tiết cấp nước sản xuất, nước sinh hoạt vào mùa khô cho các vùng trọng điểm thiếu nước.

(Chi tiết tại Phụ lục X)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

Cấp nước sinh hoạt đô thị: Đến năm 2030, phấn đấu tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn đạt 100%; giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch xuống ≤ 15%. Cải tạo, nâng công suất các công trình cấp nước hiện có; đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước tại các đô thị từ loại V trở lên đảm bảo công suất cấp nước toàn hệ thống đô thị đến năm 2030 đạt khoảng 155.000m^3/ngày đêm.

Cấp nước khu vực nông thôn: Đến năm 2030, phấn đấu 100% dân cư nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước tập trung đạt tối thiểu 70%; tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước đạt quy chuẩn đạt 70%. Quy hoạch, xây dựng hệ thống công trình cấp nước ở nông thôn, đảm bảo tổng công suất cấp nước toàn hệ thống đến năm 2030 đạt khoảng 122.700 m^3/ngày đêm.

Cấp nước công nghiệp: Đến năm 2030, đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước công nghiệp hiện có tại các khu công nghiệp hiện hữu và các khu công nghiệp hình thành mới, đảm bảo các khu công nghiệp đều có tối thiểu 01 công trình cấp nước công nghiệp, tổng công suất cấp nước công nghiệp đạt khoảng 73.000 m^3/ngày đêm.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

c) Phương án phát triển hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải

Đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải, từng bước tách riêng hệ thống thu nước thải với hệ thống thu nước mưa tại các đô thị loại V trở lên. Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải tại các đô thị, ưu tiên các khu vực có lượng nước thải lớn: Thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xây dựng các công trình xử lý nước thải phi tập trung tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung.

Xây dựng khu xử lý nước thải công nghiệp đồng bộ với kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Đầu tư xây dựng, nâng cao năng lực tiếp nhận, xử lý của các khu xử lý chất thải cấp tỉnh, khu xử lý, bãi rác tại các huyện, thị xã, thành phố. Đầu tư xây dựng tối thiểu 03 khu liên hợp xử lý chất thải cấp tỉnh. Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động thu gom, xử lý chất thải.

Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại tại khu công nghiệp Tằng Loỏng và xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

6. Phương án phát triển phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

Bố trí trụ sở và doanh trại lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ gần khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu du lịch, bến cảng, sân bay, những nơi dễ xảy ra cháy, tai nạn; đảm bảo các yêu cầu về diện tích, liên kết thuận lợi với các tuyến đường giao thông. Đầu tư xây dựng trụ sở, doanh trại các đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại các huyện, thị xã, thành phố; đầu tư trang bị phương tiện, hệ thống thông tin liên lạc đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, phù hợp với nhiệm vụ. Bố trí, thiết lập hệ thống cấp nước chữa cháy phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy tại từng địa bàn.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe

Hệ thống y tế tuyến tỉnh đến năm 2030:

- Khối điều trị: Có ít nhất 6 bệnh viện tuyến tỉnh, gồm Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Nội tiết, Bệnh viện Phục hồi chức năng và Bệnh viện Phổi. Phát triển các cơ sở y tế tuyến tỉnh theo hướng hoàn thiện hạ tầng, mở rộng quy mô, hiện đại hóa trang thiết bị. Nghiên cứu thành lập các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh khi có nhu cầu, kêu gọi đầu tư Bệnh viện quốc tế.

- Khối dự phòng: 5 trung tâm y tế dự phòng, y tế chuyên ngành, gồm Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Kiểm nghiệm y tế, Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế, Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Pháp Y. Đầu tư xây mới trụ sở Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ và công tác kiểm soát dịch bệnh khu vực cửa khẩu.

Hệ thống y tế tuyến huyện, tuyến xã: Duy trì ổn định hệ thống y tế tuyến huyện, tuyến xã; đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành y tế. Chuyển địa điểm, xây mới Bệnh viện đa khoa thành phố Lào Cai, xây dựng mới Trung tâm y tế huyện tại các huyện chưa được đầu tư; sửa chữa các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã bị xuống cấp. Đến năm 2030, mạng lưới y tế tuyến huyện, tuyến xã gồm:

- Khối điều trị: Có tối thiểu 09 bệnh viện đa khoa cấp huyện; có tối thiểu 18 phòng khám đa khoa khu vực trực thuộc bệnh viện đa khoa; thành lập Bệnh viện đa khoa huyện Si Ma Cai, Bệnh viện khu vực Bảo Hà trực thuộc Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên, Bệnh viện khu vực Y Tý trực thuộc Bệnh viện đa khoa huyện Bát Xát.

- Khối dự phòng: 09 trung tâm y tế cấp huyện.

- Hệ thống các trạm y tế cấp xã.

Khuyến khích, hỗ trợ phát triển hệ thống cơ sở, dịch vụ y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân và kết hợp phục vụ du lịch.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên biệt: Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp học theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, tăng quy mô học sinh để tập trung đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; khuyến khích, ưu tiên phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập, trường quốc tế ở các cấp học của hệ thống giáo dục. Đến năm 2030, toàn tỉnh có ít nhất 593 trường, gồm 198 trường mầm non; 167 trường tiểu học; 187 trường liên cấp tiểu học - trung học cơ sở, trung học cơ sở; 41 trường liên cấp trung học cơ sở - trung học phổ thông, trung học phổ thông. Thành lập cơ sở giáo dục khuyết tật và hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

Giáo dục nghề nghiệp: Đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm, chất lượng cao của khu vực và quốc gia; thu hút đầu tư, phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo hướng gắn kết với nhu cầu sử dụng lao động, trong đó định hướng đến 2025 Trường Cao đẳng Lào Cai đào tạo được ít nhất từ 08 - 10 nghề chất lượng cao đạt trình độ quốc gia, quốc tế. Thu hút đầu tư, thành lập 3 - 5 cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập. Khuyến khích các hình thức liên kết, hợp tác đào tạo nghề.

Giáo dục đại học: Đầu tư nâng cấp Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai thành trung tâm nghiên cứu và chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật của tỉnh và khu vực, định hướng phát triển thành trường Đại học.

(Chi tiết tại Phụ lục XV, XVI)

3. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập đảm bảo thực hiện hiệu quả các chức năng. Hình thành cơ sở vật chất không gian khởi nghiệp bao gồm các khu nghiên cứu, ứng dụng, xúc tiến đầu tư, chuyển giao và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Hình thành 04 cơ sở ươm tạo công nghệ. Quy hoạch và hình thành 1 - 2 khu nông nghiệp công nghệ cao.

4. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội, bảo trợ xã hội

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo công trình chức năng các cơ sở bảo trợ xã hội đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục của Trung tâm Công tác xã hội tỉnh, Trung tâm Điều dưỡng người có công tại thị xã Sa Pa; xây mới 02 cơ sở trợ giúp xã hội công lập (cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp) tại thị xã Sa Pa và huyện Bắc Hà; xây dựng Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Lào Cai; xây mới 01 Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công tỉnh Lào Cai cơ sở 2; nghiên cứu đầu tư Viện dưỡng lão và đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các cơ sở cai nghiện ma túy.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII)

5. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao

Phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, nghệ thuật:

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng mới Nhà biểu diễn nghệ thuật truyền thống tỉnh Lào Cai và các công trình phụ trợ khác.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cấp huyện, đảm bảo 100% số đơn vị hành chính cấp huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc nhà văn hóa đa năng, tối thiểu 30% số đơn vị hành chính cấp huyện có Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên hoặc Nhà văn hóa thiếu nhi, cung văn hóa thiếu nhi.

- Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cấp xã, phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp xã có nhà văn hóa khu dân cư, khu vui chơi giải trí công cộng đảm bảo các tiêu chí theo quy định.

- Cơ sở hạ tầng thư viện: Xây dựng Thư viện tỉnh Lào Cai theo mô hình hoạt động thư viện truyền thống kết hợp thư viện số, đảm bảo ít nhất 50% thư viện cấp huyện có trụ sở độc lập. Đầu tư cơ sở vật chất thực hiện chuyển đổi số, liên thông, liên kết trong hệ thống thư viện, kết hợp thư viện truyền thống và thư viện số.

- Hạ tầng bảo tàng: Hoàn thành đầu tư xây dựng khu trưng bày thường xuyên và ngoài trời thuộc công trình Nhà Bảo tàng tỉnh. Xây dựng, thu hút đầu tư phát triển mạng lưới các bảo tàng tư nhân. Phát triển các bảo tàng khác phục vụ du lịch, giáo dục, nghiên cứu, bảo tồn.

Phát triển kết cấu hạ tầng thể dục thể thao:

- Từng bước hoàn thiện các công trình thuộc Khu liên hợp thể thao tỉnh trở thành Làng thể thao Olympic Tây Bắc. Hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm Huấn luyện Thể thao Quốc gia Sa Pa.

- Quy hoạch, xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình thể thao cấp huyện: 100% số huyện, thị xã, thành phố có tối thiểu 02 công trình thể thao cơ bản, trong đó tối thiểu 30% số huyện, thị xã, thành phố có 03 công trình thể thao theo quy định: Sân vận động, bể bơi, nhà tập luyện và thi đấu đa năng đạt tiêu chuẩn, có khả năng tổ chức các sự kiện văn hóa thể thao có quy mô cấp tỉnh.

- Đầu tư thiết lập khu thể thao trung tâm các xã: Phấn đấu có tối thiểu 60% đơn vị hành chính cấp xã có khu thể thao trung tâm đạt chuẩn, 100% đơn vị hành chính cấp xã có trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông.

Phát triển hạ tầng công viên, công trình văn hóa, khu vui chơi giải trí công cộng:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn thành hệ thống công viên, khu vui chơi giải trí, không gian công cộng quy mô cấp tỉnh. Đầu tư xây dựng 2 công trình: Tượng đài Trần Hưng Đạo và tượng đài Hồ Chí Minh.

- Đầu tư xây dựng, thu hút đầu tư hình thành hệ thống công viên, khu vui chơi giải trí kết hợp tạo điểm nhấn không gian tại thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và các huyện, đảm bảo 100% các huyện, thị xã, thành phố có công viên, khu vui chơi giải trí công cộng phục vụ nhân dân.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII)

6. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, hội chợ, triển lãm

a) Phương án phát triển hạ tầng cửa khẩu, lối mở, lối thông quan xuất nhập khẩu.

Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng khu vực cửa khẩu quốc tế đường bộ Lào Cai - Hà Khẩu (cầu Hồ Kiều II và cầu Kim Thành), cửa khẩu đường sắt quốc tế

Lào Cai - Hà Khẩu; nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu Mường Khương, cửa khẩu Bản Vược; phát triển các lối thông quan, cặp chợ biên giới phù hợp với tình hình thực tế, kiểm soát tốt các lối mở.

b) Phương án phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại

Nâng cấp mở rộng các chợ tại trung tâm huyện, thị xã, thành phố hoặc xây mới thành chợ hạng I. Cải tạo, nâng cấp, xây mới các chợ có quy mô hạng III ở địa bàn cấp xã. Xây dựng chợ đầu mối bán buôn tại các khu vực sản xuất hàng hóa tập trung, có vị trí giao thông thuận lợi.

Đầu tư xây dựng siêu thị tại các huyện đến nay chưa có nhằm nâng cao mức hưởng thụ của người dân vùng nông thôn, miền núi của tỉnh. Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại và siêu thị tại: Thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, huyện Bảo Thắng, Bắc Hà, Bát Xát, khu vực Bảo Hà - Tân An, khu vực Cảng hàng không Sa Pa phục vụ nhân dân và khách du lịch đến tỉnh tham quan mua sắm. Thu hút đầu tư, xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại có quy mô phù hợp tại khu vực trung tâm các xã và khu vực nông thôn khác. Đầu tư xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX)

c) Phương án phát triển cơ sở xăng dầu, khí đốt

Kho xăng dầu: Đầu tư mở rộng, nâng cấp kho xăng dầu tại khu công nghiệp Đông Phố Mới, thành phố Lào Cai lên khoảng 6.000 m^3. Giai đoạn sau năm 2030: Thu hút đầu tư thêm tối thiểu 1 kho xăng dầu tại địa điểm phù hợp dung tích trên 5.000 m^3.

Cửa hàng bán lẻ xăng dầu: Nâng cao độ an toàn của hệ thống phân phối xăng dầu hiện có. Thu hút đầu tư, xây dựng thêm tối thiểu 60 cửa hàng xăng dầu; khuyến khích đầu tư cửa hàng xăng dầu vào khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Trạm nạp khí hóa lỏng: Thu hút thêm tối thiểu 01 trạm nạp khí hóa lỏng công suất tối thiểu khoảng 2.000 tấn/năm. Sau năm 2030, thu hút đầu tư thêm tối thiểu 01 trạm nạp khí hóa lỏng.

Cửa hàng kinh doanh khí hóa lỏng: Thu hút đầu tư xây mới tối thiểu 100 cửa hàng kinh doanh khí hóa lỏng. Sau năm 2030, thu hút đầu tư thêm tối thiểu 100 cửa hàng kinh doanh khí hóa lỏng.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX)

d) Phương án phát triển cảng cạn, trung tâm logistics, kho hàng

Đến năm 2030, xây dựng hệ thống cảng cạn, cụm cảng cạn Lào Cai với tổng năng lực thông qua hàng hóa trên 1.500.000 TEU tại: Thành phố Lào Cai, khu Kim Thành - Bản Vược, cảng cạn gắn với Cảng hàng không Sa Pa và cảng khác khi có nhu cầu.

Xây dựng mới, mở rộng quy mô, vận hành có hiệu quả các khu logistics, kho hàng, kho ngoại quan gắn với các đô thị, khu công nghiệp, khu vực cửa khẩu, lối thông quan; nâng cao chất lượng dịch vụ logistics nhằm khai thác hiệu quả vị trí địa chiến lược của tỉnh, phát triển Lào Cai trở thành trung tâm dịch vụ logistics của vùng và cả nước.

Đầu tư xây dựng mới hệ thống kho hàng tại thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và các huyện phù hợp với nhu cầu trung chuyển, lưu trữ hàng hóa của từng khu vực.

(Chi tiết tại Phụ lục XX)

đ) Phát triển khu dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng vui chơi giải trí, thể thao sân gôn.

Quy hoạch mới 04 sân gôn và khu dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng vui chơi giải trí, trong đó: Thành phố Lào Cai: 02 sân, thị xã Sa Pa: 01 sân, huyện Bảo Yên: 01 sân. Dự kiến quy hoạch 01 sân gôn tại huyện Bát Xát, 01 sân gôn tại huyện Văn Bàn khi tỉnh được bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất. Sau năm 2030, quy hoạch mới một số sân gôn khi có nhu cầu.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Nguồn lực đất đai được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030.

2. Phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất

Đến năm 2030 diện tích tự nhiên của tỉnh Lào Cai là 636.425 ha, trong đó: Đất nông nghiệp 560.697 ha, chiếm 88,10% diện tích tự nhiên, thực tăng 35.097 ha so với hiện trạng năm 2020; đất phi nông nghiệp 50.832 ha, chiếm 7,99% diện tích tự

nhiên, thực tăng 13.951 ha so với năm 2020; đất chưa sử dụng 24.896 ha, chiếm 3,91% diện tích tự nhiên, thực giảm 49.049 ha so với hiện trạng năm 2020.

3. Phương án chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch

Chuyển 15.987 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp.

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp với diện tích 14.856 ha.

Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 230 ha.

4. Phương án thu hồi đất trong kỳ quy hoạch

Diện tích thu hồi đất trong kỳ quy hoạch là 22.651 ha. Trong đó thu hồi đất nông nghiệp là 15.358 ha và đất phi nông nghiệp là 7.293 ha.

5. Phương án đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng thời kỳ 2021 - 2030

Trong thời kỳ quy hoạch diện tích đất chưa sử dụng được khai thác đưa vào sử dụng cho các mục đích là 49.842 ha, trong đó khai thác cho các mục đích nông nghiệp (48.442 ha) và phi nông nghiệp (1.400 ha).

(Chi tiết tại Phụ lục XXII)

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Quy hoạch phân vùng liên huyện của tỉnh thành 4 vùng, gồm:

- Vùng liên huyện 1 gồm thành phố Lào Cai và huyện Bảo Thắng. Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển, mở rộng đô thị hóa thành phố Lào Cai, các đô thị của huyện Bảo Thắng nhằm hình thành vùng đô thị trung tâm tỉnh, động lực của trục kinh tế dọc sông Hồng; tập trung phát triển kinh tế đô thị; phát triển, nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh của các loại hình dịch vụ; xây dựng, phát triển các khu logistics, thương mại, khu, cụm công nghiệp, đưa vùng trở thành trung tâm kết nối giao thương quốc tế; thu hút đầu tư phát triển các loại hình công nghiệp, công nghiệp chế biến chế tạo.

- Vùng liên huyện 2 gồm thị xã Sa Pa và huyện Bát Xát. Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển du lịch theo hướng xanh, thông minh, hấp dẫn, có tính cạnh tranh cao; tập trung xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng các đô thị Sa Pa, Y Tý, Bát Xát, Trịnh Tường; phát triển mạnh logistics, thương mại, dịch vụ cửa khẩu Bản Vược; phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, chất lượng cao, giá trị cao.

- Vùng liên huyện 3 gồm huyện Văn Bàn và huyện Bảo Yên. Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển các đô thị Phố Ràng, Khánh Yên, đầu tư xây dựng Bảo Hà -

Tân An, Võ Lao đạt tiêu chí đô thị; phát triển công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, công nghiệp chế biến chế tạo, chế biến nông lâm sản, thực phẩm; phát triển kinh tế lâm nghiệp, nông nghiệp, nâng cao năng suất, giá trị nông lâm sản; hoàn thành mục tiêu phát triển nông thôn mới.

- Vùng liên huyện 4 gồm huyện Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai. Đầu tư xây dựng, nâng cao chất lượng các đô thị Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai; phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch; tập trung xây dựng nông thôn mới; phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hàng hóa, nâng cao chất lượng, giá trị, gắn với chuỗi giá trị nông sản; phát triển công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản; đảm bảo an sinh xã hội cho đồng bào các dân tộc thiểu số, giữ vững thế trận quốc phòng, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội.

IX. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai thành 03 vùng, gồm:

- Vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái của Vườn Quốc gia Hoàng Liên; phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái của Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn; phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái của Vườn quốc gia Bát Xát; các khu bảo vệ cảnh quan; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước của các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Vùng hạn chế phát thải: Phân khu hành chính, dịch vụ, vùng đệm của Vườn Quốc gia Hoàng Liên; phân khu hành chính, dịch vụ, vùng đệm của Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn; phân khu hành chính, dịch vụ, vùng đệm của Vườn quốc gia Bát Xát; hành lang bảo vệ nguồn nước của các công trình cấp nước sạch theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm cả nội thành, nội thị của các đô thị loại V hiện hữu và thành lập mới trong thời kỳ 2021 - 2030.

- Vùng bảo vệ môi trường khác bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ nằm ngoài Vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt và Vùng hạn chế phát thải.

Thực hiện công tác bảo vệ môi trường phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường của từng phân vùng môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII)

b) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Thành lập vườn quốc gia trên cơ sở nâng cấp Khu bảo tồn thiên nhiên Bát Xát. Tập trung bảo tồn kết hợp với sử dụng bền vững, phát huy giá trị Vườn quốc gia Hoàng Liên, Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn, Vườn quốc gia Bát Xát. Thành lập mới các khu bảo vệ cảnh quan, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. Bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; tăng cường công tác bảo tồn nguồn gen, quản lý tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích và bảo vệ tri thức truyền thống về nguồn gen; đánh giá, phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững. Kiểm soát tốt các hoạt động gây tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.

c) Quan trắc tài nguyên và môi trường

Duy trì, nâng cấp hệ thống quan trắc hiện có; xây dựng mới và bố trí mạng lưới quan trắc môi trường, bao gồm các điểm quan trắc, trạm quan trắc tự động các thành phần môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh; đầu tư nâng cao năng lực phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường. Thực hiện liên kết mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường tỉnh với mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường quốc gia và kết nối mạng lưới quan trắc môi trường cấp vùng. Định kỳ thực hiện kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực cảnh báo thiên tai, xây dựng hệ thống cảnh báo lũ ống, lũ quét, quan trắc trượt lở, nâng cấp trạm quan trắc tự động nước mặt sông Hồng và các trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

d) Phát triển rừng bền vững

Bảo vệ, sử dụng bền vững diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và diện tích rừng thuộc Vườn quốc gia Hoàng Liên, Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn, Khu bảo tồn thiên nhiên Bát Xát. Hỗ trợ, tạo sinh kế, thúc đẩy sự tự quản trong cộng đồng dân cư sinh sống trong vùng đệm vườn quốc gia, khu bảo tồn. Hỗ trợ các bên liên quan trồng và bảo vệ rừng cảnh quan phục vụ phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. Nâng cao năng lực, tăng cường sự phối hợp của các cơ quan thực thi pháp luật trong quản lý, giám sát và xử lý vi phạm.

Định hướng phát triển lâm nghiệp vùng thấp: Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững; chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp theo hướng trồng cây đa mục đích, chú trọng thâm canh rừng gắn với chế biến lâm sản và khai thác lâm sản ngoài gỗ. Định hướng phát triển lâm nghiệp vùng cao: Đẩy mạnh bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ gắn với phát triển du lịch; lựa chọn các loại cây trồng bản địa phù hợp sinh thái, cây cho lâm sản ngoài gỗ. Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng, phát triển thị trường các-bon.

Thực hiện các giải pháp tổng thể để tăng độ che phủ rừng lên trên 60% vào năm 2030.

đ) Sắp xếp, phân bố các khu nghĩa trang

Định hướng quy hoạch xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung đô thị theo quy hoạch đô thị; xây dựng nhà tang lễ tại các đô thị phù hợp với phân loại đô thị. Cải tạo, tiếp tục sử dụng các nghĩa trang chưa lấp đầy; mở rộng nghĩa trang phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; di dời các nghĩa trang không đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường phù hợp với quy hoạch của địa phương cấp huyện.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Khu vực thăm dò, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

Đẩy mạnh công tác thăm dò, phê duyệt trữ lượng; duy trì hoạt động sản xuất của các mỏ đang còn hiệu lực giấy phép; tăng cường đầu tư chế biến sâu, nâng cao hệ số thu hồi, chất lượng và giá trị sản phẩm; sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại, thân thiện với môi trường. Đối với nhu cầu sử dụng đất công trình phụ trợ mỏ cho phép tự điều chỉnh để cấp theo quy mô mỏ.

Cấp phép khai thác, quản lý khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng phù hợp với nhu cầu địa phương. Khuyến khích đầu tư cơ sở chế biến cát nghiền.

b) Xác định các mỏ, khu vực địa điểm có khoáng sản nhưng chưa khai thác, cấm khai thác, cần bảo vệ với từng loại khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân vùng chức năng nguồn nước

Các vùng chức năng nguồn nước gồm: Vùng Ngòi Phát và phụ cận cấp nước sản xuất và sinh hoạt cho huyện Bát Xát; vùng Nậm Thi và phụ cận cấp nước sản

xuất và sinh hoạt cho huyện Mường Khương và một phần huyện Bảo Thắng; vùng Ngòi Đum và phụ cận cấp nước sản xuất và sinh hoạt cho thị xã Sa Pa và một phần thành phố Lào Cai; vùng Ngòi Bo và phụ cận cấp nước sản xuất và sinh hoạt cho thị xã Sa Pa, một phần huyện Bảo Thắng và một phần thành phố Lào Cai; vùng Suối Nhù và phụ cận cấp nước sản xuất và sinh hoạt cho huyện Văn Bàn và một phần huyện Bảo Thắng; vùng ven sông Hồng cấp nước sản xuất và sinh hoạt cho thành phố Lào Cai, một phần các huyện: Bát Xát, Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn và sử dụng cho giao thông thủy; vùng Thượng lưu sông Chảy cấp nước sản xuất và sinh hoạt cho các huyện Si Ma Cai, Bắc Hà, một phần huyện Mường Khương, một phần huyện Bảo Thắng; vùng Trung lưu sông Chảy cấp nước sản xuất và sinh hoạt cho huyện Bảo Yên.

b) Phân bổ tài nguyên nước

Phân bổ tài nguyên nước đến năm 2030: Tổng lượng nước ngầm có thể sử dụng khoảng 174 triệu m^3, tổng lượng nước mặt có thể sử dụng khoảng 1.161 triệu m^3. Trong đó:

- Phân bổ lượng nước mặt cho mục đích cấp nước sinh hoạt khoảng 23 triệu m^3/năm, cho mục đích công nghiệp khoảng 34 triệu m^3/năm, cho mục đích nông nghiệp khoảng 424 triệu m^3/năm, cho mục đích chăn nuôi khoảng 6,7 triệu m^3/năm, cho mục đích thủy sản khoảng 30 triệu m^3, cho mục đích thương mại, dịch vụ và du lịch khoảng 9 triệu m^3/năm, cho mục đích y tế, giáo dục, môi trường khoảng 14 triệu m^3/năm.

- Phân bổ lượng nước ngầm cho mục đích cấp nước sinh hoạt khoảng 4 triệu m^3/năm, cho mục đích công nghiệp khoảng 6 triệu m^3/năm, cho mục đích nông nghiệp khoảng 75 triệu m^3/năm, cho mục đích thương mại, dịch vụ và du lịch khoảng 2 triệu m^3/năm, cho mục đích y tế, giáo dục khoảng 3 triệu m^3/năm.

c) Phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra

Xây dựng các công trình thủy điện kết hợp điều tiết lũ và cấp nước cho hệ thống thủy lợi. Chỉnh trị một số đoạn sông, ngòi đảm bảo tiêu thoát lũ, phòng chống thiên tai, kết hợp với thủy lợi.

Duy tu, nâng cấp các đoạn kè bảo vệ bờ sông đã xây dựng trên sông Lũng Pô, sông Hồng, sông Nậm Thi, sông Bá Kết, sông Xanh và sông Chảy; hoàn thiện xây dựng các đoạn kè đang xây dựng. Đầu tư, xây dựng mới hệ thống kè chống sạt lở bảo vệ biên giới các điểm dọc theo sông Hồng, sông Nậm Thi, sông Chảy; xây dựng kè chống sạt lở các điểm xung yếu dọc các sông, suối trong nội địa đảm bảo

ổn định dòng chảy. Ưu tiên đầu tư các công trình phòng chống lũ, sạt lở sông, ngòi khu vực biên giới.

Xây dựng và thực thi phương án phòng chống lũ cho hệ thống hồ chứa và vùng hạ du các hồ chứa.

(Chi tiết tại Phụ lục XXV)

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn

Vùng rủi ro rất cao về lũ quét, lũ bùn đá và trượt, sạt lở đất: Địa bàn một số xã của huyện Văn Bàn, thị xã Sa Pa, Mường Khương, Bát Xát, Bảo Yên, Bắc Hà và Si Ma Cai.

Vùng rét đậm, rét hại: Các xã, phường, thị trấn thuộc dãy Hoàng Liên Sơn, khu vực phía Đông Bắc bình nguyên Bắc Hà, khu vực thung lũng dọc sông Hồng, sông Chảy.

Khu vực có khả năng cháy rừng cao: Các xã thuộc Vườn quốc gia Hoàng Liên, một số khu vực tại các huyện Bát Xát, Bảo Thắng, Bắc Hà, Si Ma Cai, Văn Bàn, Sa Pa, thành phố Lào Cai.

b) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Thực hiện phương châm 4 tại chỗ: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ và 3 sẵn sàng: Chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương.

Chuyển đổi các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp. Xây dựng và thực hiện các phương án quản lý, bảo vệ, khai thác rừng bền vững.

Xây dựng, củng cố cơ sở hạ tầng thủy lợi, kè. Củng cố công trình giao thông, cấp điện, cấp thoát nước. Ưu tiên xây dựng công trình phòng chống thiên tai tại các điểm xung yếu, các đô thị, khu dân cư có mật độ cao. Xây dựng hoàn thiện dần các hệ thống cảnh báo, dự báo thiên tai và giám sát biến đổi khí hậu.

X. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Chi tiết tại Phụ lục XXVI)

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Nhóm giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực

a) Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển thời kỳ 2021 - 2030

Nhu cầu vốn đầu tư trong thời kỳ 2021 - 2030 khoảng 774 nghìn tỷ đồng, trong đó, giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 260 nghìn tỷ đồng, giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 514 nghìn tỷ đồng. Dự kiến quy mô vốn huy động từ các nguồn: Ngân sách nhà nước khoảng 80 nghìn tỷ đồng, vốn ODA khoảng 6 nghìn tỷ đồng, vốn trái phiếu Chính phủ khoảng 6 nghìn tỷ đồng, vốn đầu tư nước ngoài (FDI) khoảng 290 nghìn tỷ đồng, vốn đầu tư của khu vực doanh nghiệp khoảng 122 nghìn tỷ đồng; vốn đầu tư khu vực dân cư khoảng 270 nghìn tỷ đồng.

b) Các giải pháp, chính sách huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh

Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh và Trung ương; tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội.

Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Ưu tiên kêu gọi các tập đoàn kinh tế lớn có tiềm lực tài chính, các doanh nghiệp thuộc Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) đầu tư các dự án vào tỉnh trong các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch, công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp, đối tác đem theo công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản lý hiện đại tạo tác động lan tỏa tích cực tới sự phát triển kinh tế của tỉnh; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Huy động nguồn vốn từ chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Rà soát, điều chỉnh các chính sách tài chính về đất đai để các chính sách này thực hiện được chức năng điều tiết trên thị trường; rà soát, sắp xếp để sử dụng có hiệu quả quỹ đất hiện do các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh quản lý.

Các biện pháp nâng cao hiệu quả đầu tư: Tăng cường quản lý các khâu của quá trình đầu tư, xây dựng; gắn công tác thanh tra, kiểm tra với đánh giá giám sát đầu tư; nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư, quản lý nghiêm ngặt quá trình thực hiện dự án, chống lãng phí, thất thoát, nâng cao thẩm quyền và trách

nhiệm cá nhân của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn; định hướng, ban hành tiêu chí thu hút đầu tư có chọn lọc trong tình hình mới, phù hợp với mục tiêu phát triển nhanh, theo hướng bền vững.

2. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp xu thế phát triển chung của vùng và cả nước; triển khai thực hiện một số chương trình/dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh: Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đại học, Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước.

Xây dựng Đề án về vấn đề việc làm để nhận diện ra sự thay đổi, biến động của thị trường lao động và vấn đề việc làm, đề án Đào tạo và đào tạo lại nhân lực trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đối với đội ngũ doanh nhân: Tập trung ưu tiên hỗ trợ đào tạo doanh nhân, chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường

Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện hệ thống chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật chung, bám sát thực tế và theo kịp tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước, diễn biến nhanh và mức độ phức tạp của các vấn đề môi trường.

Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh đến huyện đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường ngày càng lớn, phức tạp. Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp, nhất là ở các địa phương, ưu tiên cấp huyện, xã, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở.

Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái do trước đây để lại. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung, nhà máy xử lý rác thải tập trung.

4. Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Triển khai thực hiện nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trước mắt là trong hệ thống chính trị của tỉnh như: Xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng của tỉnh. Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản của tỉnh.

Đưa khoa học, công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực để nâng cao năng suất, chất lượng, đạt các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị khoa học và công nghệ của mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, các tổ chức ứng dụng, dịch vụ khoa học kỹ thuật. Phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu vực nông nghiệp, nông thôn.

5. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển, bao gồm: Cơ chế chính sách đặc thù cho Khu du lịch quốc gia Sa Pa và Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai để bứt phá phát triển; cơ chế, chính sách đối với các vùng kinh tế động lực, trung tâm để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, của vùng, thúc đẩy liên kết giữa vùng kinh tế động lực với các vùng khác trên địa bàn tỉnh; đầu tư kết nối hạ tầng giao thông, điện, nước... đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để thu hút nhà đầu tư hạ tầng đồng bộ, chất lượng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư của tỉnh; phát triển, nâng cao chất lượng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, đô thị xanh, phát triển bền vững; tạo sức hút, phát triển các ngành dịch vụ; phát triển thị trường bất động sản theo hướng lành mạnh hướng đến nhu cầu thực; phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường như thu gom, chế biến rác thải, xử lý nước thải, sản phẩm được tạo ra từ các vật liệu thân thiện với môi trường...; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ hiện đại, sản phẩm thân

thiện với môi trường, chuyển đổi số, kinh tế số; phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; tập trung ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính của từng sở, ngành, địa phương và công bố công khai các thủ tục hành chính. Xây dựng, phát triển chính quyền số; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các sở, ngành, các huyện, thành phố.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị, nông thôn

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất, tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Kiểm soát chặt việc sử dụng các loại đất rừng, tài nguyên, môi trường rừng và tỷ lệ che phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị, nhu cầu tăng trưởng kinh tế, yêu cầu phát triển xã hội.

XII. DANH MỤC BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục bản đồ kèm theo Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm 25 bản đồ.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVII)

Điều 2.

1. Sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai có trách nhiệm rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định.

Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ để triển khai lập các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trong quá trình nghiên cứu triển khai các dự án cụ thể, ranh giới các vị trí quy hoạch, diện tích, quy mô, công suất các công trình, dự án được điều chỉnh phù hợp với tiến độ, tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch.

c) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, bảo đảm nguồn lực tài chính, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.

d) Thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh; tổ chức quan trắc, giám sát, quản lý môi trường; lưu giữ cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ quá trình chuyển đổi số trong quá trình thục hiện Quy hoạch tỉnh.

đ) Tổ chức rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

e) Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của: (i) các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, (ii) phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và pháp luật về các nội dung của Quy hoạch tỉnh được điều chỉnh, không kế thừa các quy hoạch trước (nếu có) và giải quyết các vấn đề xung đột, chồng chéo giữa Quy hoạch này và các quy hoạch khác (nếu có).

5. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này, phù hợp với quy hoạch khác có liên quan, đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai trong quá trình thực hiện Quy hoạch tỉnh; trường hợp cần thiết, phối hợp với tỉnh nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

(Xem tiếp Công báo số 665 + 666)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng